

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-ST

Ngày: 26-4-2022

V/v trN chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Khắc Di

2. Bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký của Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về “TrN chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà Happy Tower, 75 Đường C, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần N D, sinh năm 1992, địa chỉ: 140/1 đường L, Phường N, Quận B, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 04/2018/AIN-VN ngày 31/12/2018) (*ông Dũng có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Hoàng N, sinh năm 1997

Địa chỉ: 52/49/24 Đường S, Phường L, quận T, Thành phố H (*bà N vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2018 của Công ty A, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần N Dũng trình bày: Ngày 01/5/2017, giữa Công ty A và bà Võ Thị Hoàng N có ký hợp đồng biểu diễn độc quyền và phụ lục, nội dung cụ thể như sau: Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 01/5/2017 đến 01/5/2018, công việc là phát sóng biểu diễn trực tuyến trên ứng dụng Uplive, thù lao là 10.000.000 đồng/tháng kèm các khoản thưởng với điều kiện bà N phải hoạt động độc quyền cho công ty trong hai năm. Tuy nhiên, từ tháng 8/2018 bà N đã hoạt động cho ứng dụng Bigo, một ứng dụng tương tự như Uplive. Mặc dù phía nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N vẫn cố tình vi phạm. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Võ Thị Hoàng N trả cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm là 50.000.000 đồng, trả 1 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà N chấm dứt hành vi vi phạm, nay không cần thiết nên nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, tại các bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn bà Võ Thị Hoàng N trình bày: Bà xác nhận giữa bà và Công ty A có ký hợp đồng biểu diễn độc quyền và phụ lục đúng như nội dung mà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Hợp đồng không ghi số, không ghi ngày tháng năm. Thời hạn hợp đồng là 1 năm kể từ ngày 01/5/2017 đến 01/5/2018, công việc là phát sóng biểu diễn trực tuyến trên ứng dụng Uplive, thù lao là 10.000.000 đồng/tháng kèm các khoản thưởng. Mặc dù phụ lục hợp đồng có ghi điều kiện bà phải hoạt động độc quyền cho công ty trong hai năm tuy nhiên khi ký thì bà không để ý tới nội dung này, vì đây là phụ lục về tiền lương. Hơn nữa, hợp đồng biểu diễn giữa hai bên chỉ có thời hạn từ ngày 01/5/2017 đến 01/5/2018, hợp đồng hết hạn không ký lại hợp đồng mới thì không phát sinh quan hệ giữa 2 bên và hợp đồng kết thúc thì phụ lục không còn giá trị. Đến tháng 8/2018 bà mới hoạt động trên ứng dụng Bigo nên bà không đồng ý với nội dung ghi trong phụ lục. Khi hết hạn hợp đồng, bà đã nhắn tin báo cho quản lý công ty là sẽ chấm dứt vì thu nhập từ công ty không đủ để bà trang trải cho cuộc sống. Việc bà tiếp tục làm thêm tại công ty vào tháng 6 và 7 năm 2018 là do phía công ty đang cần người hỗ trợ nên bà vẫn tiếp tục làm và công ty chỉ trả thưởng chứ không hề trả lương cho bà. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của công ty, bà không đồng ý vì bà không vi phạm và không phải chịu phạt vi phạm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Trần N D trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Võ Thị Hoàng N vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả trN tụng công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trN tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ trN chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng biểu diễn, đây là vụ án trN chấp hợp đồng dịch vụ theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập và tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Võ Thị Hoàng N chấm dứt hành vi vi phạm. Xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền phạt vi phạm là 50.000.000 đồng:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa Công ty A và bà Võ Thị Hoàng N có ký hợp đồng biểu diễn độc quyền và phụ lục với các nội dung cụ thể như sau: Thời hạn hợp đồng là 1 năm kể từ ngày 01/5/2017 đến ngày 01/5/2018, công việc là phát sóng biểu diễn trực tuyến trên ứng dụng Uplive, thù lao là 10.000.000 đồng/tháng kèm các khoản thưởng. Hợp đồng cũng như phụ lục hợp đồng không ghi số, không ghi ngày tháng năm. Phụ lục hợp đồng quy định về bảng lương cho bên B (là bà Võ Thị Hoàng N). Hợp đồng hết hạn hai bên không ký lại hợp đồng mới. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng biểu diễn độc quyền giữa hai bên chỉ có thời hạn từ ngày 01/5/2017

đến 01/5/2018, đây là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo Điều 116, Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi hợp đồng hết hạn, hai bên không ký lại hợp đồng mới. Bà N khai sau khi hết hạn hợp đồng bà có ở lại làm việc cho công ty thêm 02 tháng là tháng 6 và 7 năm 2018 tuy nhiên chỉ mang tính chất hỗ trợ, bà chỉ được nhận thưởng chứ công ty không hề trả lương cho bà trong 02 tháng này. Bà đã đề nghị chấm dứt hợp đồng và không ký lại hợp đồng mới với công ty. Như vậy hợp đồng đã ký trước đây giữa bà N và công ty đã chấm dứt theo Khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn cho rằng phụ lục hợp đồng có ghi điều kiện bà N phải hoạt động độc quyền tại Uplive trong vòng 02 năm. Tuy nhiên xét nội dung phụ lục hợp đồng thì đây là điều kiện ràng buộc để hưởng lương chứ không phải điều chỉnh về thời hạn hợp đồng. Điều khoản về thời hạn hợp đồng trong phụ lục trái với hợp đồng chính nên căn cứ quy định tại Điều 403 Bộ luật Dân sự năm 2015, điều khoản này không có hiệu lực pháp luật. Do hợp đồng giữa 2 bên đã hết hạn vào ngày 01/5/2018, đến tháng 8/2018 bà N mới hoạt động trên ứng dụng Bigo nên bà N không vi phạm hợp đồng đã ký. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền phạt vi phạm là 50.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 2 Điều 244; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 403, khoản 1 Điều 422 và Điều 385 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A về việc buộc bà Võ Thị Hoàng N chấm dứt hành vi vi phạm.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty A về việc buộc bị đơn bà Võ Thị Hoàng N trả số tiền phạt vi phạm là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty A đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0037905 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

quận Tân Bình. Công ty A còn phải nộp thêm số tiền án phí là 1.250.000(một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

4/ Quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị Hoàng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Tân Bình;
- Đường sự;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy